TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Chỉ.

2. Bà Võ Thị Trà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Hoàng D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2018, tại bản tự khai ngày 31/7/2018, các biên bản hòa giải ngày 14/9/2018, 02/10/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Hoàng D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2014. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, do anh D nghiện ma túy, cờ bạc, thường xuyên xảy ra cãi vã và có vài lần anh D đánh đập

chị. Vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hoàng D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 người con chung tên là Trần Hoàng P, sinh ngày 05/12/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2018, các biên bản hòa giải ngày 14/9/2018, 02/10/2018, bị đơn là anh Trần Hoàng D trình bày: Anh thừa nhận bản thân anh bị nghiện ma túy, cờ bạc nên trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra cãi vã với nhau. Trong lúc cãi vã, do bức xúc nên anh có đánh vợ vài lần, nhưng không thường xuyên. Anh nhận thấy bản thân thiếu trách nhiệm với vợ, con nhưng hiện nay anh vẫn còn tình cảm với vợ nên có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình chứ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 người con chung tên là Trần Hoàng P. Do hiện nay anh đang tập trung cai nghiện ma túy nên không có điều kiện để nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Hoàng D. Giao cháu Trần Hoàng P cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn anh Trần Hoàng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Hoàng D kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 07/7/2014. Việc kết hôn giữa chị T và anh D là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cãi vã với nhau, thậm chí có

lần anh D còn đánh đập chị T. Qua xác minh tại địa phương, thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D bị nghiện ma túy, chơi bời và không có trách nhiệm với gia đình. Do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 02/10/2018, anh Trần Hoàng D bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, kể từ ngày 09/8/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ về chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành, do chị T cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng, anh D không có trách nhiệm trong việc xây dựng, giữ gìn hạnh phúc gia đình, thậm chí còn có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh D, vợ chồng cũng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Hoàng D.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh D có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 05/12/2014, hiện nay cháu P đang chung sống cùng với chị T. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay anh D bị nghiện ma túy, đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiên bắt buộc theo quyết định của Tòa án. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2018, anh D cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, nếu như Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do chị T khẳng định đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018706 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Hoàng D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Hoàng D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 05/12/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Hoàng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Hoàng D có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0018706 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm *(23/10/2018)*. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo